

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số:49/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19- 9- 2019

Về việc: “Không công nhận vợ chồng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Hồng

2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa :
Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 238/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/08/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B – Sinh năm 1980

Nơi cư trú: Tổ 11, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Lê Trung D – Sinh năm 1974

Nơi cư trú: Tổ 11, ấp H, xã Tân Hưng, huyện H, tỉnh B.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/04/2019, bản tự khai ngày 20/05/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Lê Trung D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung vợ chồng sống hạnh phúc khoảng tới năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và hay cãi vã, ông D không chăm lo cho gia đình, không quan tâm vợ con, không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Thị B yêu cầu tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị B và ông Lê Trung D không phải là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống có 3 con chung tên Lê Thùy L- sinh ngày 06/4/2000; Nguyễn Tuấn T- Sinh ngày 24/4/2005, Nguyễn Thị N- Sinh ngày 30/8/2011, cả hai không nhận ai làm con nuôi. Hiện tại bà B không mang thai. Khi tòa án không công nhận vợ chồng, bà Bình yêu cầu nuôi 2 con chung tên Nguyễn Tuấn T- sinh ngày 24/4/2005, Nguyễn Thị N- sinh ngày 30/8/2011, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000đ/tháng (mỗi con 1.000.000đ/tháng) . Đối với con chung tên Lê Thùy L- sinh ngày 06/4/2000 đã trưởng thành nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/05/2019, bị đơn ông Lê Trung D trình bày:

Năm 1998 ông D và bà B tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện tại đã sống ly thân. Nay bà B yêu cầu tòa án không công nhận là vợ chồng thì ông D đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 3 con chung tên Lê Thùy L- sinh ngày 06/4/2000, Nguyễn Tuấn T- sinh ngày 24/4/2005, Nguyễn Thị N- sinh ngày 30/8/2011, vợ chồng không nhận ai làm con nuôi. Khi ly hôn ông D đồng ý cho bà B nuôi 2 con chung tên Nguyễn Tuấn T- Sinh ngày 24/4/2005, Nguyễn Thị N- sinh ngày 30/8/2011, ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000đ/tháng (mỗi con 1.000.000đ/tháng). Đối với con chung tên Lê Thùy L - Sinh ngày 06/4/2000 đã trưởng thành nên ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án cần tuyên bố không công nhận bà B và ông D là vợ chồng. Về con chung giao 2 con chung tên Nguyễn TuấnT, tên Nguyễn Thị N cho bà B nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông D cấp dưỡng nuôi 2 con chung 2.000.000đ/tháng (mỗi con 1.000.000đ/tháng) . Đối với con chung tên Lê Thùy L- sinh ngày 06/4/2000 đã trưởng thành nên không xem xét, về tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị tòa án không công nhận là vợ chồng đối với ông Lê Trung D, ông Lê Trung D có nơi cư trú tại xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, bị đơn ông Lê Trung D, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án viết bản trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự có viết bản tự khai và vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị B, ông Lê Trung D là hôn nhân không hợp pháp do các bên chung sống như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn, nên căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cần tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị B và ông Lê Trung D là vợ chồng.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 3 con chung tên Lê Thùy L- Sinh ngày 06/4/2000, Nguyễn Tuấn T- sinh ngày 24/4/2005, Nguyễn Thị N- sinh ngày 30/8/2011, vợ chồng không nhận ai làm con nuôi. Khi ly hôn ông D đồng ý cho bà B nuôi 2 con chung tên Nguyễn Tuấn T- sinh ngày 24/4/2005, Nguyễn Thị N- sinh ngày 30/8/2011, ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000đ/tháng (mỗi con 1.000.000đ/tháng). Đối với con chung tên Lê Thùy L- sinh ngày 06/4/2000 đã trưởng thành nên ông D, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy bà B yêu cầu nuôi 2 con chung tên T, tên N và ông D cũng đồng ý, mặt khác 2 cháu T và N đều có nguyện vọng sống với mẹ nên cần giao 2 con chung cho bà B nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông D cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000đ/tháng (Mỗi con 1.000.000đ/tháng) . Đối với con chung tên Lê Thùy L- Sinh ngày 06/4/2000 đã trưởng thành và các đương sự không có yêu cầu gì nên không xem xét

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị B chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố bà Nguyễn Thị B và ông Lê Trung D không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 2 con chung tên Nguyễn Tuấn T Sinh ngày 24/4/2005, Nguyễn Thị N- Sinh ngày 30/8/2011 cho bà Nguyễn Thị B nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Lê Thùy L- Sinh ngày 06/4/2000 đã trưởng thành và các đương sự không có yêu cầu gì nên không xem xét

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Trung D cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000đ/tháng (mỗi con 1.000.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khai án có hiệu lực đến khi 02 con chung trưởng thành.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005400 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- UBND xã Tân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hồ Văn Thanh